

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đình P, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn O, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 36, ngõ 445 đường Y, quận Y, thành phố Đ, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị đề ngày 25/11/2022 (có chứng thực của văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn anh Phạm Đình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị L có tìm hiểu xét thấy có tình cảm nên anh, chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh và chị L đã đăng ký kết hôn ngày 30/10/2019 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn thì chị L về nhà anh làm dâu ngay được một khoảng thời gian thì anh đi nước ngoài và chị L về nhà ngoại ở từ đó đến nay. Năm 2019 anh đi lao động tại Đài Loan, ban đầu khi mới sang Đài Loan vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Chị L cũng đã về nhà ngoại ở. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/03/2020 hiện cháu L đang ở với chị L. Ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung, anh vẫn thường xuyên gửi tiền về để chu cấp cho con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh P trình bày hiện nay do anh làm việc ở xa nên không thể tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án được, anh và chị L không đạt được mục đích hôn nhân nên đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Anh ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, thay mặt anh đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp các tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác, nhận văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và nhận trích lục án khi Tòa án xét xử xong vụ án giữa anh và chị L.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh P có tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2019 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị về làm dâu được 1 khoảng thời gian thì anh P đi nước ngoài chị cũng đi về nhà ngoại ở. Năm 2019 anh P đi lao động tại Đài Loan, ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng

thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/03/2020 hiện cháu L đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L trình bày hiện nay do chị làm việc ở xa nên không thể tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án được, chị và anh P không đạt được mục đích hôn nhân nên đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Chị và anh P thỏa thuận giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh P xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật, về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: anh P, chị L đều xin xét xử vắng mặt. Chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình P

Xử cho anh Phạm Đình P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/3/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh Phạm Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Đình P là người Việt Nam, hiện đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan có địa chỉ số nhà 18, ngõ 36, ngõ 445 đường Y, quận Y, thành phố Đ, Đài Loan, có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị L. Bị đơn chị Nguyễn Thị L là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh P và chị L đều xin vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh P và chị L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh Phạm Đình P và chị L có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2019 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương, do vậy quan hệ hôn nhân của anh P và chị L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. anh P đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Đình P đối với chị Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử thấy: Anh P và chị L kết hôn năm 2019, sau khi kết hôn một thời gian anh P đi lao động nước ngoài, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị L cũng về nhà mẹ đẻ sống, hiện nay anh P vẫn lao động ở nước ngoài, mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh P và chị L đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Anh P xin ly hôn chị L đồng ý. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P, xử cho anh Phạm Đình P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Phạm Đình P và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/03/2020. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị L. Sau khi ly hôn anh P đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu giải quyết nuôi con chung của anh P. Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh P không có mặt ở Việt Nam, hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, con chung của anh P và chị L từ khi anh P đi lao động nước ngoài vẫn do chị L nuôi dưỡng cháu phát triển bình thường. Mặt khác, cháu L sinh ngày 05/03/2020 đến thời điểm xét xử cháu L dưới 36 tháng tuổi, theo quy định pháp luật con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ nuôi, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nên đề nghị của anh P giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên chấp nhận yêu cầu này của anh P, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/03/2020 đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh P, chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên, không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Phạm Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đình P.

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Đình P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Tú L, sinh ngày 05/03/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Phạm Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000787 ngày 28/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Đình P hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

